TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/**2018/DSST
Ngày 08/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước

Ông Nguyễn Đình Tứ

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLDS - ST, ngày 03/5/2017, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST- DS ngày 23/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bội H, sinh năm: 1965, cư trú tại thôn P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1983, cư trú tại thôn 7B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bội H trình bày: Vào ngày 15 tháng 02 năm 2016, bà Trần Thị N có vay của bà số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), lãi suất 5%/ 01 tháng, thời hạn vay: 22 tháng, khi vay, bà N có viết giấy vay tiền. Sau khi vay đến nay bà N vẫn không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền là 45.600.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc: 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*) và tiền lãi 26.600.000 đồng

(*Hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tại phiên Toà bà H bổ sung số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử (08/10/2018) và yêu cầu bà N phải trả cho bà số tiền là 49.132.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), tiền lãi là 30.132.000 đồng (*Ba mươi triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Bội H số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*) vào ngày 15/02/2016. Bà chấp nhận trả cho bà H số tiền gốc 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), còn khoản tiền lãi mà bà H yêu cầu 5% thì bà thấy quá cao. Vì vậy, đối với khoản tiền lãi thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc trả cho bà H số tiền gốc là 19.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì buộc bà N trả lãi cho bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật: Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn và đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với bị đơn bà Trần Thị N nhưng bà N vẫn vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng vay tài sản được thực hiện vào năm 2016, thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực nên căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là đúng với hướng dẫn áp dụng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 15 tháng 02 năm 2016, bà Trần Thị N có viết giấy vay của bà Nguyễn Thị Bội H số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), lãi suất 5%/ 01 tháng. Sau khi vay đến nay bà N chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà H. Bà N thừa nhận có vay của bà H số tiền 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*) và đồng ý trả cho bà H là có cơ sở, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi bà H yêu cầu là 30.132.000 đồng (*Ba mươi triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng*). Xét thấy, số tiền lãi bà H yêu cầu (*Theo lãi suất thoả thuận 5%/tháng*) là vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, lãi suất cho vay do các bên thoả thuận nhưng không đượt vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Tại Quyết định số

2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Như vậy, lãi suất do các bên thoả thuận không được vượt quá 1,125%/tháng (9 : 12 tháng x 150% = 1,125).

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất cao nhất là 1,125%/tháng là có căn cứ, đúng pháp luật. Theo đó, bà N ký hợp đồng vay tiền từ ngày 15/02/2016, tính đến ngày xét xử (08/10/2018) thời gian vay là 31 tháng 23 ngày, số tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi 31 tháng: 1,125% x 31 tháng x 19.000.000 đồng = 6.626.250 đồng (*Sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

Tiền lãi 23 ngày: (1,125% : 30) x 23 ngày x 19.000.000 đồng = 163.875 đồng (*Một trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*). Tổng cộng tiền lãi là 6.790.125 đồng (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Như vậy, bà N có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền tổng cộng là 25.790.125 đồng (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó tiền gốc là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), tiền lãi là 6.790.125 đồng (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

[2.3] Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bội H đối với số tiền lãi vượt quá mức quy định là 23.341.875 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*) {30.132.000 đồng - 6.790.125 đồng = 23.341.875 đồng}.

[2.4] Về án phí: Bà N phải chịu 1.289.500 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu 1.167.000 đồng (*Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi không được chấp nhận là 23.341.875 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bội H. Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị Bội H số tiền tổng cộng là 25.790.125 đồng (*Hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*). Trong đó tiền gốc là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), tiền lãi là 6.790.125 đồng (*Sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn một trăm hai mươi lăm đồng*).

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bội H đối với số tiền lãi vượt quá mức quy định là 23.341.875 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Bội H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền gốc nói trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Trần Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu 1.289.500 đồng (*Một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Bội H phải chịu 1.167.000 đồng (*Một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 1.140.000 đồng (*Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0018640 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam; bà H còn phải nộp 27.000 đồng (*Hai mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/10/2018); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tiên Phước;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành